

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2024/DS-ST
Ngày: 22-04-2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh

2. Ông Lê Phú Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19/04/2024 và 22/04/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2023/TLST-DS ngày 25/05/2023 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Minh Thạch T**, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: **I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn:* Ông **Lưu Minh T1**, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: **I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trẻ **Nguyễn Lưu Hoàng Y**, sinh năm 2009.

Người giám hộ: Bà **Lưu Minh Thạch T**, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: **I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: **I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà **Lưu Minh Thạch T** là nguyên đơn đồng thời là người giám hộ (mẹ ruột) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ **Nguyễn Lưu Hoàng Y** trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tại số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 95 T) thuộc sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Thông T2 và bà Phan Ngọc V cùng vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Xuân P, căn cứ theo Giấy phép mua bán số 61/GPMB7 do Sở Nhà đất cấp ngày 06/02/1990 và Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 28/02/1990.

Các ông bà này chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị V1 theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà ở số 7464/HĐ-MBN ngày 21/10/1998, số công chứng 81856, quyền 16 tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị V1 và ông Lê Văn T3 tự nguyện kết hôn theo Chứng nhận kết hôn số 147, quyền số 01 ngày 01/5/1983 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà và đất trên được bà V1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Ông Lê Văn T3 và bà Nguyễn Thị V1 tặng cho ông Lưu Minh T1 và bà Lê Thị Giáng T4 nhà và đất tại số I T theo Hợp đồng tặng cho số công chứng 26042, quyền số 12, ngày 22/12/2007 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông T3 và bà V1 hủy hợp đồng tặng cho trên theo Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng tặng cho nhà số công chứng 7037, quyền số 8 ngày 28/8/2008 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04/9/2008, ông Lê Văn T3 tặng cho bà Nguyễn Thị V1 phần thuộc quyền sở hữu của ông T3 trong nhà và đất tại số I T theo Hợp đồng tặng cho nhà ở số công chứng 17351, quyền số 9 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn T3 chết ngày 19/5/2009, bà Nguyễn Thị V1 chết ngày 29/01/2009, để lại di sản thừa kế là nhà và đất tại số I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị V1 trước khi kết hôn với ông Lê Văn T3 có chung sống với ông Lưu Tấn T5 có 02 con chung là bà Lưu Minh Thạch T, sinh năm 1971 và ông Lưu Minh T1, sinh năm 1973. Ngoài ra, bà V1 không có con riêng và con nuôi.

Ông Lưu Tấn T5 không có quyền sở hữu và sử dụng đối với nhà và đất tại số I T.

Cha, mẹ của bà Nguyễn Thị V1 là ông Nguyễn Văn C, chết năm 1982 và bà Nguyễn Thị L1, chết năm 2001.

Nguyên đơn bà Lưu Minh Thạch T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Công nhận nhà và đất tại số I T là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị V1.
- Yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tại 95 Trần Huy L2 cho bà Lưu Minh Thạch T và ông Lưu Minh T1 theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lưu Minh T1 trình bày:

Ông Lưu Minh T1 thống nhất với trình bày của bà Lưu Minh Thạch T về di sản thừa kế và hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị V1. Nguồn gốc nhà và đất tại số I T là của bà Nguyễn Thị V1. Bố mẹ của bà Nguyễn Thị V1 là bà Nguyễn Thị L1, chết năm 2001 và ông Nguyễn Văn C, chết năm 1982. Ông Lưu Minh T1 không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà Lưu Minh Thạch T.

Bà Nguyễn Thị V1 khi về hưu có nhận chuyển nhượng nhà và đất tại số I T. Bà V1 còn nợ lại tiền của người chuyển nhượng và ông T1 là người đã thanh toán tiền nợ trên. Trong quá trình ở, ông T1 có vay ngân hàng và trả tiền lãi hàng tháng để xây dựng, sửa chữa nhà 95 Trần Huy L2.

Bà Nguyễn Thị V1 bị ung thư phổi, có ký cho vợ chồng ông T1 và bà T4 đứng tên nhà và đất tại số I T. Sau đó, vợ chồng ông T1 và bà T4 ly hôn, ngày 28/8/2008, ông T3 và bà V1 hủy hợp đồng tặng cho nhà và đất trên ông T1 và bà T4 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian bà Nguyễn Thị V1 nằm ở Viện tim Pháp - Việt, ông T1 cũng trả mọi chi phí chăm sóc và viện phí cho bà V1. Sau khi bà V1 chết, ông T1 lo ma chay đám giỗ của ông bà, bố mẹ và mọi khoản thu của địa phương. Bà T lập gia đình riêng, sinh sống bên gia đình chồng hơn 10 năm và không phụ đóng góp cho ông T1. Ông T1 yêu cầu Tòa án trực xuất mẹ con bà T ra khỏi nhà để ông T1 ổn định cuộc sống.

Ông T1 yêu cầu khi chia thừa kế nhà đất tại số I T phải thanh toán cho ông T1 những khoản tiền sau:

- Tiền chăm sóc mẹ, viện phí: 3.000.000.000 đồng;
- Tiền hũ cốt: 1.000 đô la Mỹ;
- Tiền bà T làm mất chiếc xe Honda Dream Việt Nam của ông T1: 10.000.000 đồng;
- Tiền ông T1 thế chấp bất động sản là công ty riêng của ông T1 để đảm bảo khoản vay cho mẹ là bà Nguyễn Thị V1;
- Các khoản thuế liên quan đến nhà và đất tại địa chỉ I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng L là vợ của ông Lưu Minh T1. Hiện nay, đang ở trong căn nhà I T. Trong quá trình ở trong căn nhà trên, bà L không có tham gia xây dựng, sửa chữa và cũng không có yêu cầu giải quyết hay tranh chấp đối với nhà và đất nêu trên. Do đó, bà L yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đối với vụ án nêu trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn đồng thời là người giám hộ (mẹ ruột) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trẻ Nguyễn Lưu Hoàng Y là bà Lưu Minh Thạch T trình bày:

Bà Lưu Minh Thạch T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với nhà và đất tại số I T. Bà T yêu cầu được nhận nhà, trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà T có trách nhiệm thanh toán ½ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại số I T cho ông Lưu Minh T1.

Bà Lưu Minh Thạch T đồng ý thanh toán cho ông Lưu Minh T1 các khoản sau:

Tiền chăm sóc mẹ: 300.000.000 đồng;

Tiền hũ cốt: 25.000.000 đồng;

Tiền hỏa táng: 2.400.000 đồng;

Tiền thuế đất: 321.750 đồng;

Tiền bồi thường xe máy H, bà T làm mất của ông T1: 10.000.000 đồng.

Toàn bộ chi phí tố tụng bao gồm: Đo vẽ; xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản, bà T tự nguyện chịu.

Bị đơn ông **Lưu Minh T1** trình bày:

Ông **T1** không đồng ý chia thừa kế nhà và đất tại **số I T** theo yêu cầu của bà **T**. Ông **T1** muốn giữ lại nhà và đất trên thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Ông **T1** xác định không có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án nêu trên về các khoản chi phí sau:

- Tiền chăm sóc mẹ, viện phí: 3.000.000.000 đồng;
- Tiền hũ cốt: 1.000 đô la Mỹ;
- Tiền bà **T** làm mất chiếc xe Honda Dream Việt Nam của ông **T1**: 10.000.000 đồng;
- Tiền ông **T1** thế chấp bất động sản là công ty riêng của ông **T1** để đảm bảo khoản vay cho mẹ là bà **Nguyễn Thị V1**;
- Các khoản thuế liên quan đến nhà và đất tại địa chỉ **I T**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Hồng L** trình bày:

Bà **Nguyễn Thị Hồng L** là vợ của ông **Lưu Minh T1**. Hiện nay, đang ở trong căn nhà **I T**. Trong quá trình ở trong căn nhà trên, bà **L** không có tham gia xây dựng, sửa chữa và cũng không có yêu cầu giải quyết hay tranh chấp đối với nhà và đất nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Công nhận nhà và đất tại **số I T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh** là di sản thừa kế của bà **Nguyễn Thị V1**.

- Chia di sản thừa kế nhà và đất tại **số I T** cho 02 đồng thừa kế là bà **Lưu Minh Thạch T** và ông **Lưu Minh T1** theo quy định của pháp luật. Bà **T** nhận hiện vật là nhà và đất tại **số I T**. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà **Lưu Minh Thạch T** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Lưu Minh T1** $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại **số I T** tại thời điểm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà **Lưu Minh Thạch T** khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản với ông **Lưu Minh T1** hiện cư trú tại **quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nội dung tranh chấp:

Về thời hiệu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị V1 chết ngày 29/01/2009, ngày 10/5/2023 bà Lưu Minh Thạch T yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của bà V1 là nhà và đất tại số I T. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “.... Thời hiệu để người thừa kế chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế ...”. Do đó, thời hiệu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị V1 vẫn còn.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2023 của bà T, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 25/5/2023 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

Về hàng thừa kế:

Các đương sự thừa nhận và thống nhất vào thời điểm bà Nguyễn Thị V1 chết năm 2009 thì cha mẹ bà V1 là bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn C đều đã chết. Ngoài ra, bà V1 không có con riêng, con nuôi, không để lại di chúc, do đó di sản thừa kế của bà V1 được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Lưu Minh Thạch T và ông Lưu Minh T1.

Về di sản thừa kế:

Căn cứ trình bày và thừa nhận của các đương sự về nguồn gốc nhà và đất tại số I T; theo Công văn trả lời xác minh số 712/CNPN-HC ngày 08/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh quận P với nội dung:

“Căn nhà số I T, phường A (nay là phường A), quận P có nguồn gốc do ông Nguyễn Thông T2 và bà Nguyễn Thị N làm chủ sở hữu theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà số 61/GPMB7 ngày 06/02/1990 do Sở Nhà đất Thành phố H cấp.

Năm 1998, ông Nguyễn Thông T2, bà Phan Ngọc V và bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Xuân P bán căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị V1 theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà ở số 7464/HD-MBN ngày 21/10/1998 lập tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đã được đăng ký tại Sở Địa Chính - Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh, quyển số 22, tờ số 10566 ngày 28/10/1998.

Năm 2008, ông Lê Văn T7 tặng phần sở hữu của mình cho bà Nguyễn Thị V1 theo Hợp đồng tặng cho nhà ở số 17351 ngày 04/09/2008 lập tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân quận P, quyển số 01, tờ số 1538 ngày 19/9/2008

Tính đến thời điểm hiện nay, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận P chưa nhận được hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà trên.”

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy phép mua bán số 61/GPMB7 do Sở Nhà đất cấp ngày 06/02/1990;
- Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 28/02/1990;
- Hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà ở số 7464/HD-MBN ngày 21/10/1998, số công chứng 81856, quyển 16 tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hợp đồng tặng cho nhà ở số công chứng 17351, quyển số 9 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn T3 chết ngày 19/5/2009;

- Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 27/10/1998;
- Giấy phép xây dựng số 1164/GPXD ngày 18/10/2005;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng ngày 24/3/2008;
- Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 2588 ngày 10/9/2008;
- Bản vẽ hoàn công ngày 20/5/2008 do Công ty TNHH T8 đã được Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra ngày 09/5/2011;
- Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 07/9/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

Như vậy, có đủ căn cứ pháp luật xác định nhà và đất tại số I T là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị V1.

Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị V1 là bà Lưu Minh Thạch T và ông Lưu Minh T1. Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần tương đương với $\frac{1}{2}$ (một phần hai) trị giá nhà và đất tại số I T.

Xét, không thể chia đều nhà và đất trên bằng hiện vật vì chị em trong nhà không thuận thảo, mỗi người đều có nhu cầu ổn định cuộc sống riêng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị V1 không có di chúc để lại nhà và đất tại số I T dùng để thờ cúng. Do đó, ông T1 yêu cầu giữ nhà để thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ là không có cơ sở. Nay bà T có yêu cầu được nhận căn nhà và thanh toán $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại số I T cho ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị V1 phân chia như sau:

Theo kết luận của Hội đồng định giá ngày 31/10/2023, di sản thừa kế trên có giá trị quyền sử dụng đất là 6.992.000.000 đồng, giá trị xây dựng nhà là 1.243.567.710 đồng, tổng cộng là 8.235.567.710 đồng. Bà T và ông T1 mỗi người được hưởng là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại số I T tương đương là 4.117.783.855 đồng tại thời điểm Hội đồng định giá tài sản.

Nguyên đơn bà Lưu Minh Thạch T yêu cầu trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật sẽ có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại số I T cho ông T1, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở nên chấp nhận thời hạn trên.

Sau khi thanh toán $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại số I T cho ông Lưu Minh T1, bà Lưu Minh Thạch T được quyền tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà và đất nêu trên.

Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số I T bà Lưu Minh Thạch T tự nguyện chịu.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lưu Minh T1 và những người hiện đang cư trú tại nhà I T có trách nhiệm giao nhà và đất trên cho bà Lưu Minh Thạch T.

Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Lưu Minh Thạch T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại số I T tại thời điểm thi hành án cho ông T1 thì căn nhà trên được bán đấu giá.

Bà T và ông T1 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần tương đương $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà nêu trên.

Về việc tôn tạo di sản:

Trong quá trình sử dụng, ông Lưu Minh T1 có sửa chữa, xây dựng nhà tại số I T nhưng ông T1 không có đơn yêu cầu phân tố, chỉ muốn giữ lại nhà trên để thờ cúng ông bà, cha mẹ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chi phí đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Lưu Minh Thạch T tự nguyện chịu.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T và ông T1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế, cụ thể là:

Bà Lưu Minh Thạch T và ông Lưu Minh T1 mỗi người phải chịu 112.117.784 đồng.

Bà T được miễn trừ số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003754 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0022520 ngày 20/11/2023, bà T còn phải nộp số tiền 90.817.784 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

Tuyên xử:

1/ Hàng thừa kế thứ nhất bà Nguyễn Thị V1, chết năm 2009 gồm bà Lưu Minh Thạch T, sinh năm 1971 và ông Lưu Minh T1, sinh năm 1973.

2/ Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị V1 là nhà và đất tại số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá trị định giá là 8.235.567.710 (tám tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng) được chia đều cho 02 người thừa kế, kỷ phần mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà trên.

3/ Bà Lưu Minh Thạch T nhận hiện vật là nhà và đất tại số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà **Lưu Minh Thạch T** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Lưu Minh T1** $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại **số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh** tại thời điểm thi hành án. Sau khi giao đủ tiền cho ông **Lưu Minh T1**, bà **Lưu Minh Thạch T** được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà và đất tại **số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục nêu trên bà **Lưu Minh Thạch T** tự nguyện chịu.

Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà **Lưu Minh Thạch T** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ông **Lưu Minh T1** $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại **số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh** tại thời điểm thi hành án, thì nhà và đất trên được bán đấu giá. Bà **Lưu Minh Thạch T** và ông **Lưu Minh T1** mỗi người được hưởng một kỷ phần tương đương với $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà và đất tại **số I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông **Lưu Minh T1** và những người hiện đang cư trú tại **I T, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh** có trách nhiệm giao căn nhà trên cho bà **Lưu Minh Thạch T**.

5/ Ghi nhận việc bà **Lưu Minh Thạch T** tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà **T** đã nộp đủ.

6/ Ghi nhận việc bà **Lưu Minh Thạch T** tự nguyện thanh toán cho ông **Lưu Minh T1** các chi phí sau:

Tiền chăm sóc mẹ: 300.000.000 (ba trăm triệu đồng);

Tiền hũ cốt: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng);

Tiền hỏa táng: 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn đồng);

Tiền thuế đất: 321.750 (ba trăm hai mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

Tiền bồi thường xe máy **H**, bà **T** làm mất của ông **T1**: 10.000.000 (mười triệu đồng).

Tổng cộng: 337.721.750 (ba trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

7/ Án phí sơ thẩm: Bà **Lưu Minh Thạch T** và ông **Lưu Minh T1** mỗi người phải chịu 112.117.784 (một trăm mười hai triệu một trăm mười bảy nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng). Bà **T** được cân trừ số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 (Hai mươi một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003754 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0022520 ngày 20/11/2023, như vậy bà **T** còn phải nộp số tiền 90.817.784 (chín mươi triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng).

8/ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh